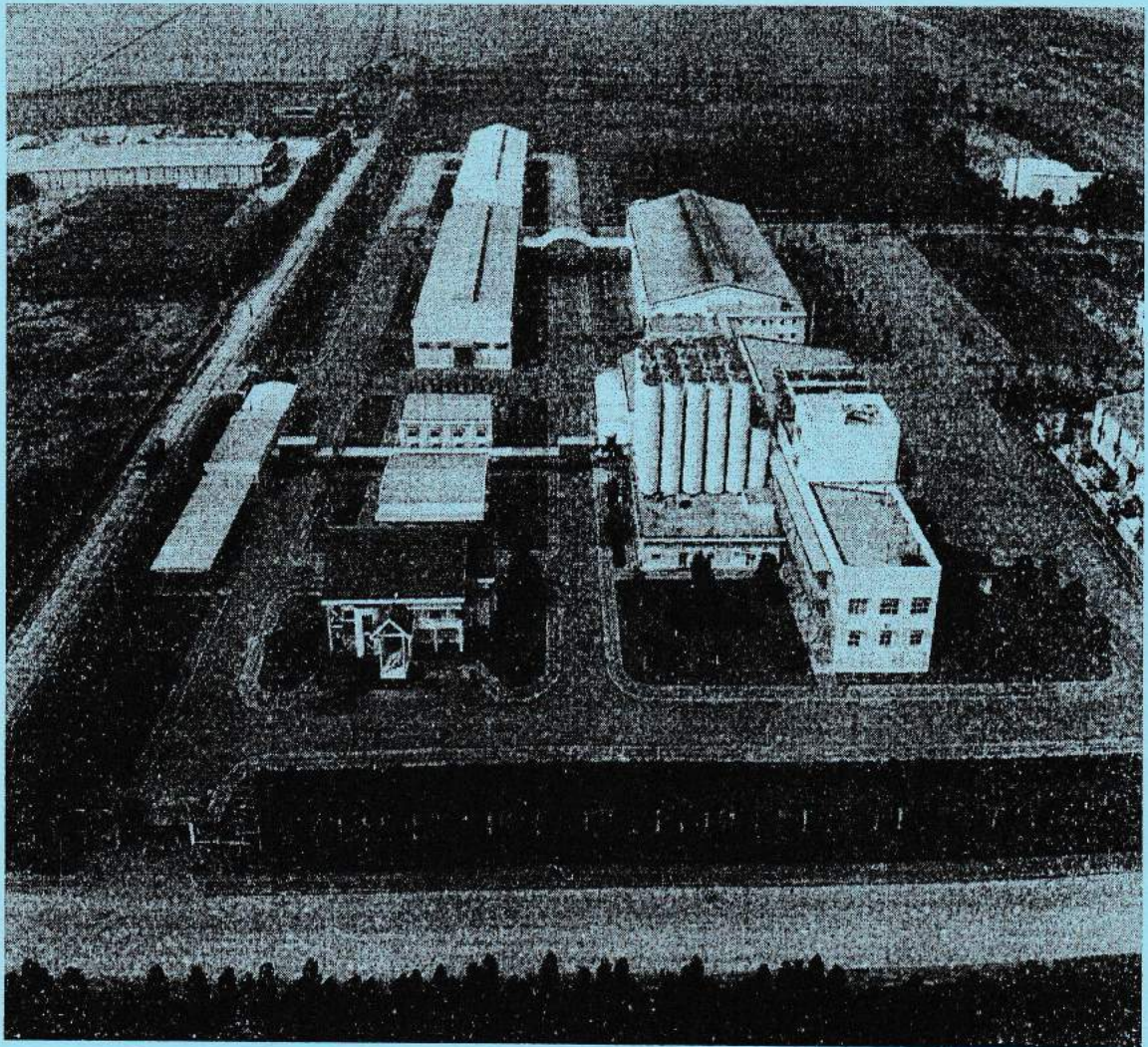
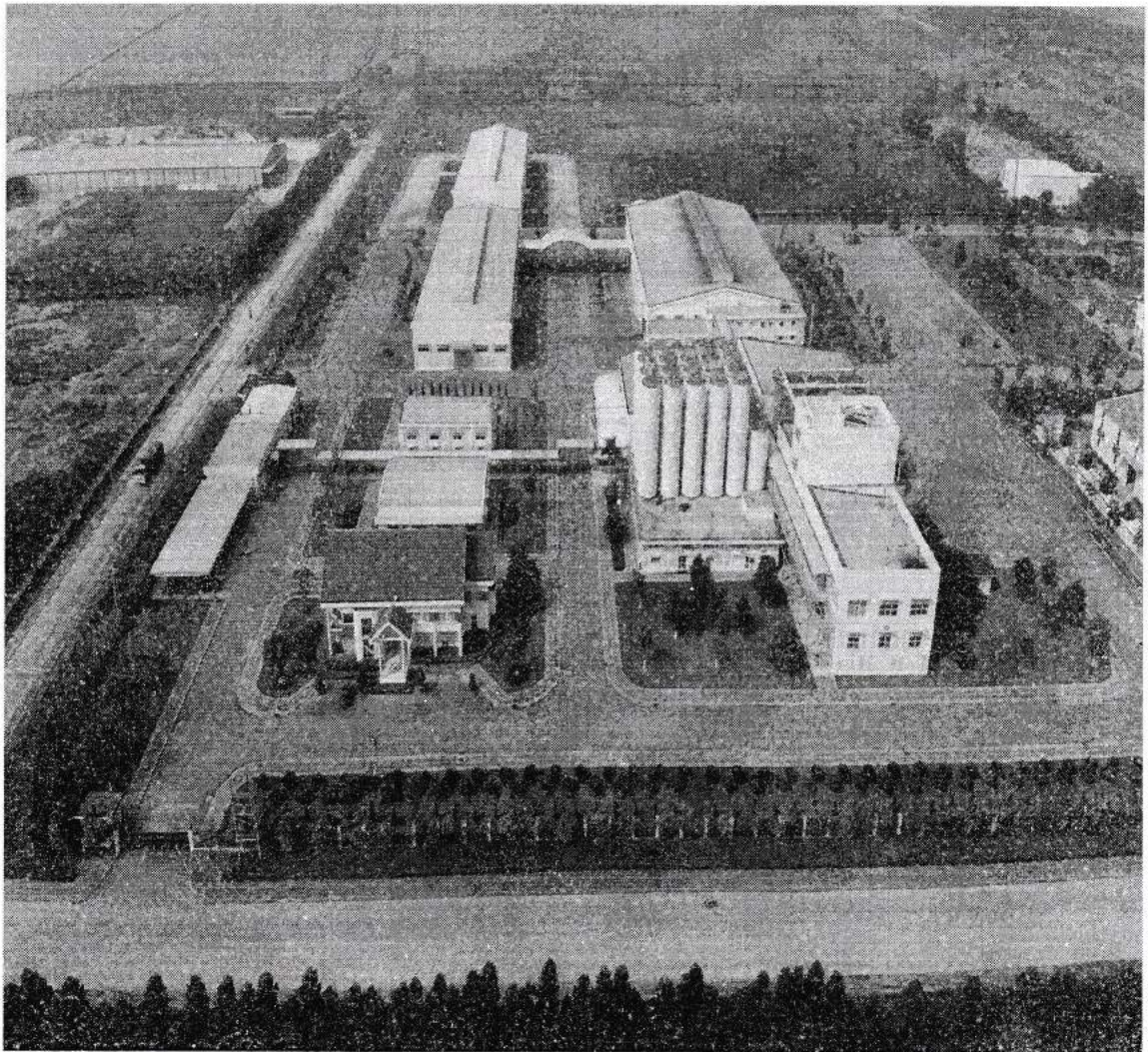


**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**



**NĂM 2018**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**



**NĂM 2018**



**MỤC LỤC**

<b>I. Thông tin chung.....</b>	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	1
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
4. Định hướng phát triển.....	5
5. Các rủi ro.....	5
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm.....</b>	<b>6</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
2. Tổ chức và nhân sự.....	7
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....	10
4. Tình hình tài chính.....	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu) .....	12
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....	12
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: .....	13
6.2. Tiêu thụ năng lượng:.....	13
6.3. Tiêu thụ nước: .....	13
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....	14
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	14
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	15
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.....	15
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....</b>	<b>15</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
2. Tình hình tài chính.....	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. ....	17
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	17
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....</b>	<b>18</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.....	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: .....	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:.....	19
<b>V. Quản trị công ty.....</b>	<b>19</b>
1. Hội đồng quản trị.....	19
2. Ban Kiểm soát .....	25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	29
<b>VI. Báo cáo tài chính.....</b>	<b>31</b>
1. Ý kiến kiểm toán: .....	31
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	31

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng số 1: Các chỉ tiêu đạt được .....	7
Bảng số 2: Cơ cấu lao động.....	10
Bảng số 3: Tình hình tài chính.....	11
Bảng số 4: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	11
Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông.....	12
Bảng số 6: Tình hình tài sản.....	16
Bảng số 7: Tình hình công nợ.....	16
Bảng số 8: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2018.....	24
Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.....	29
Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức.....	2



## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 30/5/2007, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 15/04/2014
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 125.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*)
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
- Số điện thoại: (0210) 3650 688
- Số fax: (0210) 3650 686
- Website: <http://saigonphutho.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BSP

### *Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là đơn vị liên kết với Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và được thành lập năm 2007 với vốn điều lệ 125.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 2600393941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 30/05/2007. Sau khi được thành lập, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ thực hiện dự án xây dựng nhà máy Bia với mức đầu tư khoảng 433 tỷ đồng, công suất 50 triệu lít/năm. Nhà máy được trang bị dây chuyền sản xuất đồng bộ, tiên tiến của tập đoàn Krones Cộng hòa liên bang Đức kết hợp với một số thiết bị trong nước.

Tháng 8/2010 nhà máy chính thức đi vào hoạt động với sản phẩm chủ yếu là bia lon Sài Gòn.

Kể từ ngày đi vào sản xuất - kinh doanh, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ chú trọng đặc biệt đến chất lượng sản phẩm, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng được yêu cầu của công việc. Do đó kể từ lô bia sản xuất đầu tiên đến nay đều đạt theo tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Từ những kết quả sản xuất kinh doanh đạt được Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ đã đẩy mạnh việc nộp ngân sách nhà nước, tích cực tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội, vì cộng đồng, đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học khuyến tài. Công ty nhận được nhiều bằng khen của các cơ quan ban ngành ghi nhận những thành tích đã đạt được, đây chính là nguồn động viên, khích lệ Công ty trong chặng đường dài phía trước.

Ngày 03/08/2016, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom.

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
- + Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- + Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- + Khách sạn;
- + Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- + Sản xuất rượu vang.
- Địa bàn kinh doanh:
- Chủ yếu ở khu vực miền Bắc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất và nguyên tắc hoạt động, để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, phân xưởng sản xuất.

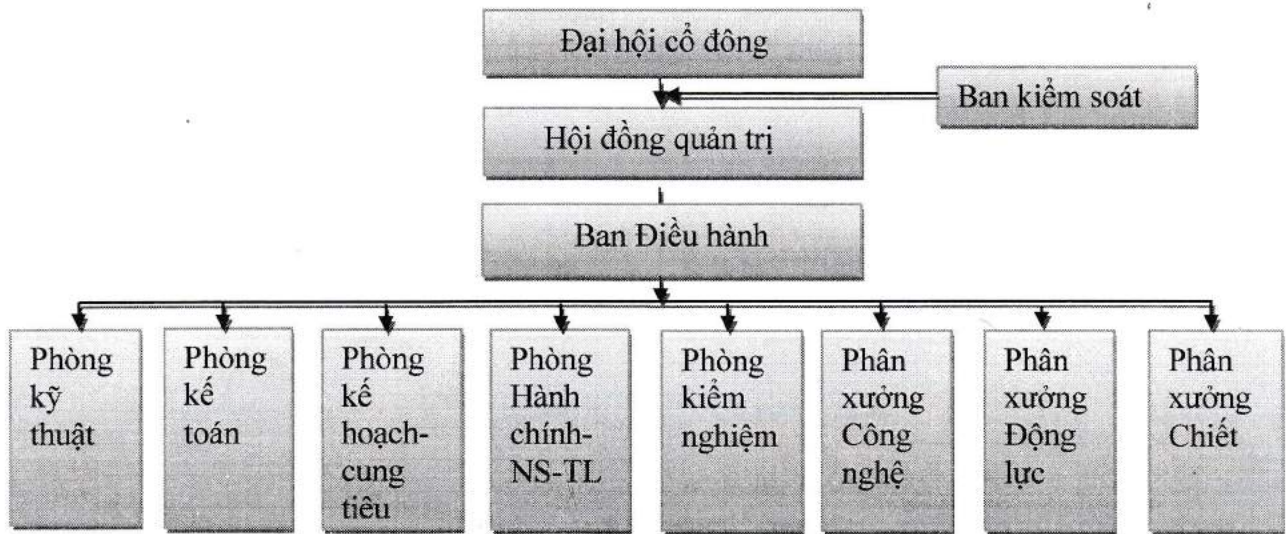
Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- **05 phòng ban:** Phòng Kỹ thuật, Phòng Hành chính – Nhân sự - Tiền lương; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Kế hoạch - Cung tiêu, Phòng kiểm nghiệm;

- **03 phân xưởng:** Phân xưởng công nghệ, phân xưởng động lực, phân xưởng chiết.

3.2. Mô hình quản trị

**Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức**



*(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)*

➤ **Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:**

▪ **Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ

sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ.

▪ **Hội đồng quản trị:**

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Hội đồng quản trị gồm:

- |                         |                 |
|-------------------------|-----------------|
| 1- Ông Nguyễn Ngọc Châu | - Chủ tịch HĐQT |
| 2- Ông Bùi Văn Thiềng   | - Ủy viên HĐQT  |
| 3- Bà Nguyễn Thu Hương  | - Ủy viên HĐQT  |
| 4- Ông Võ Sỹ Dũng       | - Ủy viên HĐQT  |
| 5- Ông Lê Hoài Thanh    | - Ủy viên HĐQT  |

▪ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 (ba) thành viên. Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban Kiểm soát gồm:

- 1- Ông Nguyễn Tiến Thọ - Trưởng BKS
- 2- Bà Đoàn Thị Xuân Duyên - Ủy viên BKS
- 3- Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Ủy viên BKS.

▪ **Ban Điều hành:**

Bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Ban Điều hành do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Điều hành hiện tại gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng:

- 1- Ông Bùi Văn Thiềng - Giám đốc
- 2- Ông Vũ Danh Tuyên - Phó Giám đốc
- 3- Bà Trần Bích Thủy - Kế toán trưởng.

▪ **Phòng Kỹ thuật**

Chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức điều hành, thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả công tác kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm, môi trường, an toàn vệ

sinh thực phẩm; Xây dựng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, vật tư nguyên liệu; Xây dựng, giám sát, định mức kinh tế kỹ thuật, máy móc thiết bị, tài liệu công nghệ theo quy định của Công ty; Giám sát việc bảo dưỡng, bảo trì thiết bị sản xuất. Ngoài ra, Phòng tham gia nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các thành tựu kỹ thuật tiên tiến và hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm mới.

▪ **Phòng Hành chính – Nhân sự - Tiền lương**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

▪ **Phòng Tài chính kế toán**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán. Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm; Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

▪ **Phòng Kế hoạch - Cung tiêu**

Chịu trách nhiệm về Kế hoạch sản xuất, tiêu thụ; Mua vật tư, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất; Quản lý các kho trong Công ty; Tư vấn Ban lãnh đạo về việc tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các phòng ban để xây dựng kế hoạch sản xuất cho từng tháng và cả năm.

▪ **Phân xưởng Chiết**

Vận hành dây chuyền chiết bia lon và bia hơi theo đúng quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động; Tiếp nhận bia sau lọc từ bộ phận lọc để chiết bia; Phối hợp với Phòng kỹ thuật và phân xưởng Động lực để thực hiện việc bảo trì bảo dưỡng thiết bị cho toàn dây chuyền; Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng.

▪ **Phân xưởng Động lực**

Vận hành các hệ thống thiết bị động lực và hệ thống xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động; Đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm tiết kiệm năng lượng; Phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch bảo trì thiết bị, kế hoạch đào tạo, kế hoạch bảo hộ lao động của đơn vị hàng năm.

Vận hành các hệ thống xử lý nước và xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động. Thực hiện theo dõi, đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại Phân xưởng



▪ **Phân xưởng công nghệ**

Thực hiện kiểm soát đầu vào quá trình nấu, lên men và lọc; Tổ chức nhận vật tư, nguyên phụ liệu bổ sung vào công đoạn nấu – lên men- lọc; Vận hành thiết bị, máy móc tại Phân xưởng và thực hiện đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất để đáp ứng yêu cầu sản xuất dịch đường theo kế hoạch sản xuất đã được lãnh đạo duyệt; Cung cấp dịch đường lạnh cho bộ phận lên men theo kế hoạch chất lượng, kế hoạch sản xuất và theo yêu cầu của bộ phận Lên men; Thực hiện quá trình lên men thành bia và lọc bia; Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng.

▪ **Phòng kiểm nghiệm.**

Kiểm tra chất lượng các vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và chất lượng bán thành phẩm, thành phẩm tại các công đoạn; Phối hợp với các đơn vị khác trong việc xử lý các sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất.

Các công ty con và công ty liên kết: Không có

**4. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
- + Ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và kinh doanh đề ra;
- + Từng bước hoàn thiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về chuyên môn và kỹ năng mềm.
- + Khai thác, sử dụng giữ gìn tốt phương tiện vận tải, dây chuyền sản xuất. Thường xuyên rà soát xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp điều kiện SXKD theo từng giai đoạn.
- + Duy trì chất lượng sản phẩm gắn liền với đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- + Công ty tập trung đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định cho công ty bằng việc nâng cao chất lượng sản phẩm bia các loại mang lại sự hài lòng cho khách hàng;
- + Áp dụng hệ thống ISO 50001: 2018 trong công tác quản lý năng lượng.
- + Đầu tư thêm các tank lên men để đáp ứng nhu cầu về cơ cấu sản phẩm tại các thời điểm khác nhau.
- + Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường bia hơi phần đầu năm 2020 sản lượng bia hơi đạt 12 triệu lít/năm;
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên nhiên liệu thay thế không gây ô nhiễm môi trường, tiếp tục sản xuất ổn định nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn.

Tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu hao tài nguyên trong quá trình sản xuất.

**5. Các rủi ro**

- ☛ Rủi ro trong hoạt động sản xuất và kinh doanh:

Hiệu quả sản xuất và kinh doanh phụ thuộc phần lớn vào kế hoạch giao và xuất hàng của Tổng công ty Cổ phần Bia, Rượu, NGK Sài Gòn.

Sự cạnh tranh khốc liệt của các hãng bia trong và ngoài nước.

Kế hoạch sản xuất bia hơi phụ thuộc vào thời tiết và sản xuất theo mùa.

Giá cả vật tư đầu vào liên tục thay đổi tăng giá vào các thời điểm trong năm.

#### **Rủi ro luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là một doanh nghiệp đại chúng mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật an toàn thực phẩm, Luật môi trường, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Tổng công ty.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

#### **Những khó khăn và thuận lợi:**

##### **a) Khó khăn:**

- Chi phí sửa chữa, đầu tư cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị tăng lên theo yêu cầu của Tổng công ty và thực trạng thiết bị, nhà xưởng của Công ty.
- Chi phí lãi vay ngân hàng tăng.
- Thời tiết không thuận lợi dẫn đến sản lượng bia hơi của Công ty không đạt kế hoạch.

##### **b. Thuận lợi:**

- Tổng công ty thực hiện giao và lấy hàng theo đúng kế hoạch phân bổ cho Công ty, từ đó Công ty chủ động được kế hoạch sản xuất.
- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bia lon vượt kế hoạch đề ra.
- Quá trình kiểm soát máy móc thiết bị, Công nghệ và chất lượng sản phẩm được thực hiện tốt, không có sản phẩm sai lỗi lớn/ mất an toàn thực phẩm phải thu hồi.
- Trình độ, năng lực quản lý của cấp quản lý trung gian được cải thiện và nâng cao, chủ động hơn trong công việc được giao.

- Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị, Công ty đã nắm bắt kịp thời các cơ hội trong sản xuất và kinh doanh năm 2018.
- Các Cấp, Ban, Ngành tại địa phương tạo điều kiện tốt cho Công ty hoạt động và phát triển.

⚡ Các chỉ tiêu đạt được và tình hình hoàn thành kế hoạch

**Bảng số 1: Các chỉ tiêu đạt được**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	%tăng/giảm năm 2018 so với năm 2017
1.	Tổng sản lượng bia sản xuất	Tr lít	58,333	55,790	- 4.36
2.	Tổng sản lượng bia tiêu thụ	Tr lít	58,663	55,854	- 4.79
3.	Tổng doanh thu (=DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu tài chính + Thu nhập khác + Lợi nhuận khác)	Tỷ đồng	563,410	561,790	- 0.28
4.	Tổng chi phí (=Giá vốn hàng bán + Chi phí tài chính + Chi phí bán hàng + CP Quản lý doanh nghiệp + Chi phí khác)	Tỷ đồng	502,726	518,992	+ 3.2
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,683	42,798	- 29.47
6.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56,067	39,600	- 29.37

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

**2. Tổ chức và nhân sự**

**2.1. Danh sách Ban điều hành**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Văn Thiêng	Giám đốc
2	Vũ Danh Tuyên	Phó Giám đốc
3	Trần Bích Thủy	Kế toán trưởng

⚡ Lý lịch thành viên Ban điều hành

**BÙI VĂN THIÊNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/04/1964
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 013155008 cấp ngày 15/01/2009, nơi cấp : Hà Nội

- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: A.2107. 173 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0903 278 818
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa thực phẩm
- Quá trình công tác:
  - Từ 1997 đến 2005 : Cán bộ kỹ thuật Rượu Đồng Xuân*
  - Từ 2005 đến 2006 : P.Giám đốc công ty Rượu Đồng Xuân*
  - Từ 2007 đến 2008 : Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn- Mê Linh*
  - Từ 2009 đến 2010 : Ban Quản lý dự án công ty Bia Sài Gòn- Phú Thọ*
  - Từ 2010 đến 4/2014 : Phó Giám đốc Công ty Bia Sài Gòn- Phú Thọ*
  - Từ 4/2014 đến nay : Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.403.370 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11.227% vốn điều lệ.  
Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 153.370 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.227% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu: 1.250.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 6.438 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.051% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**VŨ DANH TUYẾN**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/05/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 135399459
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 371 889
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - Từ 2003 đến 2006 : Phó phòng Kế toán Công ty CP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân*



**SABECO**

*Từ 2006 đến 2007 : Phó KTT Công ty Rượu Đồng Xuân ( Nhà máy bia Sài Gòn- Mê Linh)*

*Từ 2007 đến 2010 : Kế toán dự án Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ*

*Từ 2010 đến 2014 : Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ*

*Từ 2014 đến nay : Phó giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ*

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 5.690 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.045% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**TRẦN BÍCH THỦY**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/06/1984
- Nơi sinh: Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 162667636
- Quê quán: Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Thượng Nông, Tam Nông, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0979.978.105
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

*Từ 2008 đến 2010 : Nhân viên Công ty SilkRoad Systems Việt Nam*

*Từ 2010 đến 2013 : Nhân viên Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ*

*Từ 2013 đến 11/2015 : Phụ trách phòng kế toán Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ*

*Từ 11/2015 đến nay : Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ*

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

- + Cổ phần đại diện sở hữu của: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
  - Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có
- 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

**Bảng số 2: Cơ cấu lao động**

<b>Cơ cấu lao động</b>	<b>Số người</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>119</b>	<b>100</b>
Đại học và trên đại học	40	33.6
Cao đẳng	16	13.4
Trung cấp	33	27.7
Công nhân kỹ thuật	30	25.3
Lao động phổ thông	0	0
<b>Phân loại theo giới tính</b>	<b>119</b>	<b>100</b>
Nam	81	68
Nữ	38	32

*(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)*

**4. Chính sách lương thưởng**

Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: trang bị BHLĐ, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc, ốm đau và thai sản.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**a) Các khoản đầu tư lớn:**

- Thực hiện làm mái che từ Phân xưởng Chiết sang Kho thành phẩm.

- Đầu tư hoàn thiện một số hạng mục máy móc thiết bị theo cấu hình theo quy định số BSG-BKT/QĐ-88 của Tổng công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn.
  - Chuyển đổi phần mềm điều khiển nhà nấu sang từ PCS7 sang phần mềm điều khiển Braumat.
  - Thực hiện dự án cung cấp, lắp đặt hệ thống tích trữ năng lượng tank nước 2<sup>0</sup> C tại Phân xưởng Công nghệ.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có
- c) Đầu tư bổ sung: Triển khai đầu tư theo chiều sâu đảm bảo an toàn sản xuất và vận hành của Công ty cũng như theo yêu cầu của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về cấu hình thiết bị, cơ sở hạ tầng nhà xưởng, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh- sạch- đẹp.
4. *Tình hình tài chính*
- a) *Tình hình tài chính*

**Bảng số 3: Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/
Tổng giá trị tài sản	414.831.910.950	336.896.240.706	-18.78
Doanh thu thuần	562.761.710.457	561.428.356.080	-0.23
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	60.645.339.717	42.796.356.812	-29.43
Lợi nhuận khác	38.573.817	1.735.661	-95.5
Lợi nhuận trước thuế	60.683.913.534	42.798.092.473	-29.47
Lợi nhuận sau thuế	56.067.248.712	39.600.489.656	-29.37
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	30%	/

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

- b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

**Bảng số 4: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1.05	0.94	
Hệ số thanh toán nhanh <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0.77	0.44	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	40.40	31.70	

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	67.79	46.41	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Vòng	11.03	10.45	
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản BQ	Lần	1.36	1.67	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9.96	7.05	
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	10.78	7.62	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	22.68	17.21	
Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản BQ	%	13.52	11.75	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- a) Cổ phần
- Tổng số cổ phần: 12.500.000 cổ phần
  - Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
  - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
  - Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 12.500.000 cổ phiếu
  - Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phiếu.
- b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 13/11/2018:

**Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông**

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>248</b>	<b>12,230,963</b>	<b>97,85</b>
1.1	Tổ chức	05	4,331,801	34,65
1.2	Cá nhân	243	7,899,162	63,19
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>07</b>	<b>269,037</b>	<b>2,15</b>
2.1	Tổ chức	01	1,037	0,0083
2.2	Cá nhân	06	268,000	2,14
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng Cộng</b>		<b>255</b>	<b>12,500,000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu::**

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Tên nguyên liệu chính	Đơn vị tính	Lượng sử dụng 2018
1	Vỏ lon	Cái	146.878.349
2	Nắp lon	Cái	146.671.057
3	Thùng giấy	Cái	6.148.419
4	Malt	kg	5.617.901,5
5	Gạo	kg	2.255.112
6	Men bia	kg	13.620
7	Họa houblon	kg	4.166,63
8	Enzyme hỗ trợ lên men (maturex)	kg	1.243

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

STT	Nhiên liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng 2018
1	Điện	kwh	5.394.590
2	Dầu FO	kg	53.190
3	Dầu Diezen	lit	41.900
4	Khí đốt	kg	1.024
5	Hơi	Tấn	16.712

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

**6.3. Tiêu thụ nước:**

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Công ty ký hợp đồng mua bán nước với Công ty cổ phần nước sạch Phú Thọ.
- Lượng nước sử dụng trong năm 2018:

STT	Tên	Đơn vị tính	Lượng sử dụng 2018
1	Nước	m <sup>3</sup>	307.322

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2015	2016	2017	2018
Lao động bình quân (người)	112	116	116	119
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,5	11,0	9,5	9,7

(Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động  
Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 1.5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV thỏa thuận làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản thực hiện theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Định kỳ, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định. Ngoài ra, hàng năm thực hiện đo kiểm môi trường lao động, các lần kiểm tra không có chỉ tiêu nào vượt ngưỡng cho phép.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

Dựa vào nhu cầu của sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty.

d, Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Thực hiện tốt công tác xã hội hoá, chung tay cùng cộng đồng.

Hiện nay, Công ty nhận phụng dưỡng, nuôi 01 mẹ Việt Nam anh hùng tại Huyện Cẩm Khê – Phú Thọ. Song song với công tác phụng dưỡng và nuôi bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Công ty đã thực hiện chương trình xoá nhà tạm, ủng hộ kinh phí xây nhà cho một số hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Huyện Tam Nông – Phú Thọ và ủng hộ cơ sở vật chất cho các trường học tại các vùng bị thiên tai, bão lũ.

Tặng quà cho nhân dân tại một số xã thuộc Huyện Tam Nông – Thanh Thủy - Phú Thọ nhân dịp tết nguyên đán.

Thực hiện đầy đủ việc ủng hộ vận động thiên tai, bão lũ, người nghèo.... của cấp trên phát động.

*6.6. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Sản lượng sản xuất bia lon năm 2018 vượt 17,6 % so với sản lượng được giao (48,45 triệu/41,2 triệu lít/năm), và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Riêng đối với bia hơi Sài Gòn, sản lượng tiêu thụ đạt 7,337 triệu lít đạt 91,7 % so với kế hoạch ( 7,33triệu/ 8,0 triệu lít/ năm). Sản lượng bia hơi không đạt so với kế hoạch do các yếu tố không thuận lợi của thời tiết trong năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 39,6 tỷ đạt . Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi cũng như tất cả tài sản của Công ty vẫn trong tình trạng hoạt động tốt.

Các sản phẩm do công ty sản xuất đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, không có sản phẩm bị sai lỗi phải thu hồi/ hủy bỏ; máy móc thiết bị được bảo dưỡng, sửa chữa đáp ứng kịp thời với tiến độ sản xuất.

Để đạt được kết quả trên Công ty cổ phần Bia Sài – Phú Thọ đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, quản lý hệ thống và điều hành linh hoạt theo diễn biến của thị trường, các kết quả đạt được đã khẳng định rằng năm 2018, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra, mang lại lợi nhuận cho công ty và đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên, tạo uy tín cho khách hàng.

*Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài sản

**Bảng số 6: Tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>161.601.759.190</b>	<b>89.568.476.011</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	69.829.073.376	2.396.341.421
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	47.825.624.239	39.198.883.203
- Phải thu khách hàng	24.961.632.800	34.839.407.250
- Trả trước cho người bán	22.795.106.995	4.359.475.953
- Phải thu ngắn hạn khác	68.884.444	0
3. Hàng tồn kho	43.622.600.141	47.524.562.355
4. Tài sản ngắn hạn khác	324.461.434	448.689.032
Chi phí trả trước ngắn hạn	324.461.434	448.689.032
Thuế và các khoản phải thu NN	-	-
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>253.230.151.760</b>	<b>247.327.764.695</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	490.000.000	490.000.000
2. Tài sản cố định	241.201.355.049	236.243.805.531
- Tài sản cố định hữu hình	241.201.355.049	236.243.805.531
3. Tài sản dở dang dài hạn	1.756.529.175	0
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.756.529.175	0
4. Tài sản dài hạn khác	9.782.267.536	10.593.959.164

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

**Bảng số 7: Tình hình công nợ**

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2017 (Đồng)	Năm 2018 (Đồng)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>167.599.699.505</b>	<b>106.795.212.092</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>153.375.762.505</b>	<b>94.934.442.250</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	53.177.774.633	53.209.664.948
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	8.921.690.336	13.933.834.519
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.114.189.742	197.885.656
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	73.414.282.759	12.176.132.759
5. Phải trả người lao động	1.677.655.300	1.831.986.350
6. Chi phí phải trả	4.625.837.731	2.231.158.546

<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>Năm 2017</b> <i>(Đồng)</i>	<b>Năm 2018</b> <i>(Đồng)</i>
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.967.352.774	9.456.574.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.476.979.230	1.897.205.472
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>14.223.937.000</b>	<b>11.860.769.842</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.223.937.000	11.860.769.842

*(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 của Công ty)*

**2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Điều hành có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trường bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.

Năm 2018 có nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp tăng năng suất lao động, giảm nhân công, tiết kiệm thời gian tạo nhiều cơ hội trong sản xuất của công ty.

**3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Là đơn vị liên kết của Sabeco, được Sabeco bao tiêu toàn bộ sản phẩm sản xuất (không bao gồm bia hơi), do đó, để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Công ty định hướng phát triển theo mô hình dây chuyền, tự động hóa cao, tiết kiệm chi phí vật tư, hóa chất và năng lượng, gắn liền với giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp gần. Xây dựng đội ngũ Cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình tâm huyết với công việc.

Đối với sản phẩm bia hơi, hàng năm công ty có những chính sách bán hàng phù hợp đi đôi với việc đảm bảo chất lượng sản phẩm bia, tạo uy tín với khách hàng.

Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

Ứng dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng các phần mềm hiện đại trong sản xuất và kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**Giải pháp thực hiện:**

+ Đảm bảo đầy đủ các nguồn lực phục vụ sản xuất đáp ứng tiến độ sản xuất, cố gắng sản xuất tối đa công suất của nhà máy để hoàn thành kế hoạch sản xuất được giao vào các thời điểm trong năm

+ Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn cùng các đơn vị giao nhận và vận chuyển để đảm bảo công tác giao hàng được thực hiện thuận lợi, giảm chi phí.

- + Chấp hành các quy định, yêu cầu của Tổng công ty ở tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là quy trình công nghệ, quản lý thiết bị, kế hoạch sản xuất, giao hàng theo S&OP.
- + Cân đối nguồn vốn, dòng tiền để đảm bảo ổn định sản xuất, kinh doanh.
- + Thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tăng năng suất lao động đảm bảo chất lượng sản phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết kiệm vật tư, nguyên phụ liệu và năng lượng.
- + Tiếp tục chủ động hoàn thiện cấu hình thiết bị theo hướng hoàn thiện hơn, cao hơn.
- + Thường xuyên theo dõi, đánh giá, điều chỉnh việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật và quản lý chi phí theo hướng tích cực hơn.
- + Thực hiện các hình thức, chính sách để phát triển bia hơi, bia tươi đảm bảo kế hoạch sản lượng và hiệu quả. Kiên trì với mục tiêu phát triển thị trường bia hơi trên cơ sở đảm bảo chất lượng.
- + Tiếp tục duy trì, triển khai áp dụng/ chuyển đổi các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế ISO về các lĩnh vực: An toàn thực phẩm; Năng lực phòng kiểm nghiệm; Quản lý năng lượng; Quản lý chất lượng.
- + Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực tiềm năng để đáp ứng nhu cầu công việc và mục tiêu lâu dài.
- + Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm trong công việc, quản lý cho CBCVN về ngoại ngữ, tin học, quản lý nhân sự.
- + Phát huy năng lực sẵn có của đội ngũ công nhân viên, chủ động sáng tạo trong sản xuất tạo ra nhiều sáng kiến nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.
- + Tuân thủ các quy định của Tổng công ty về chế độ báo cáo, các yêu cầu pháp luật mà Công ty bị chi phối.
- + Đảm bảo mối quan hệ tốt với cổ đông, thực hiện quyền cho các cổ đông theo quy định của pháp luật trên cơ sở thực tế của công ty.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

- Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty và hạn chế rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra.
- Công ty thực hiện tốt chính sách với người lao động, đảm bảo thu nhập và đời sống tinh thần của CBCNV. Không chỉ vậy, Công ty đã thực hiện tốt các công tác tuyên truyền lan rộng tới người lao động trong toàn công ty về công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác xã hội, chung tay vì cộng đồng. Hội đồng quản trị đánh giá cao các hoạt động này và mong muốn Công ty duy trì và phát huy hơn nữa.
- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty:**

- Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban điều hành trong năm 2018, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó:
- Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị

quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.

- Giám sát và thúc đẩy các đơn vị thành viên triển khai chiến lược kinh doanh, chiến lược chức năng nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra cho năm 2018.
- Ban điều hành đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.
- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Tăng cường quản trị Công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty và các định hướng do Đại hội cổ đông thông qua, kịp thời nắm bắt các cơ hội nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Công ty tập trung cho việc sản xuất các sản phẩm bia có chất lượng và uy tín trên thị trường góp phần xây dựng thương hiệu Bia Sài Gòn ngày càng vững mạnh để giữ vững vị thế và thị phần trên thị trường Việt Nam, phát huy năng lực nhằm đáp ứng nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào của khách hàng.
- Kết hợp đồng thời mục tiêu tăng trưởng sản lượng và lợi nhuận với tăng năng lực cạnh tranh lành mạnh trên thị trường trên cơ sở tận dụng các lợi thế sẵn có với nền tảng tài chính lành mạnh.
- Gia tăng cải thiện ứng dụng công nghệ thông tin trong khâu sản xuất và quản trị doanh nghiệp.

**V. Quản trị công ty.**

**1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Không điều hành
2	Võ Sỹ Dũng	Ủy viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
3	Nguyễn Thu Hương	Ủy viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
4	Bùi Văn Thiêng	Ủy viên Hội đồng quản trị	Điều hành
5	Lê Hoài Thanh	Ủy viên Hội đồng quản trị	Không điều hành

**NGUYỄN NGỌC CHÂU**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/02/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 024668404 cấp ngày 02/01/2007, nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 33/6 Lý Văn Phúc. P. Tân Định, Quận Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0903 708 206
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ, cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - Từ 1982 đến 1989 : Cán bộ kỹ thuật Nhà máy sợi Đông Nam, Bộ Công nghiệp nhẹ*
  - Từ 1989 đến 1993 : Phó Quản đốc xưởng sợi, Nhà máy sợi Đông Nam, Bộ Công nghiệp nhẹ.*
  - Từ 1993 đến 1994 : Trợ lý Tổng giám đốc Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp nhẹ*
  - Từ 1994 đến 2001 : Trưởng phòng kỹ thuật đầu tư Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp*
  - Từ 1998 đến 2004 : Phó tổng giám đốc Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp (Kiêm nhiệm Trưởng phòng kỹ thuật đầu tư từ 1998 – 2001*
  - Từ 12/2004 đến 07/2005 : Chuyên viên Văn phòng HĐQT Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn*
  - Từ 08/2005 đến 04/2006 : Giám đốc Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn.*
  - Từ 05/2006 đến 07/2007 : Phó giám đốc Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Miền Tây, kiêm Giám đốc nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn*
  - Từ 07/2007 đến 2010 : Trưởng ban QLDA Nhà máy bia Sài Gòn – Phú Thọ*
  - Từ 2010 đến 2012 : Giám đốc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ*
  - Từ 03/2016 đến nay : Chủ tịch công đoàn Tổng Công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn*
  - Từ 2012 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ*



- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch công đoàn Tổng Công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn
- Số cổ phần nắm giữ 2.128.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17.03% vốn điều lệ.  
Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn: 2.128.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17.03% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**VÔ SỸ DŨNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/8/1949
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 013003267 cấp ngày 01/09/2007, nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 2006, tòa nhà Vincom center số 114 Mai Hắc Đế, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 282 400
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ giấy
- Quá trình công tác:
  - Từ 12/1974 đến 06/1980 : Cán bộ kỹ thuật- Ban kiến thiết chuẩn bị sản xuất- Nhà máy giấy Vĩnh Phú
  - Từ 07/1980 đến 07/1981 : Trưởng ngành bột nhà máy Giấy Vĩnh Phú
  - Từ 08/1981 đến 07/1987 : Phó quản đốc phân xưởng bột Nhà máy Giấy Bãi Bằng
  - Từ 02/1987 đến 12/1989 : Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất Công ty Giấy Bãi Bằng
  - Từ 01/1990 đến 03/1993 : Phó Giám đốc Nhà máy Giấy Công ty Giấy Bãi Bằng
  - Từ 04/1993 đến 07/1995 : Giám đốc nhà máy Giấy Công ty Giấy Bãi Bằng
  - Từ 08/1995 đến 06/2004 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng
  - Từ 06/2004 đến 2007 : Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng
  - Từ 2007 đến 2011 : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-

*Phú Thọ, Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng*  
Từ năm 2011 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-  
Phú Thọ.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng quản trị công ty văn phòng phẩm Hồng Hà; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa chất Đại Thịnh; Tổng Giám đốc Công ty CP sản Sơn Sơn; ủy viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ; ủy viên HĐQT Công ty CP Hóa chất Đông Á
- Số cổ phần nắm giữ: 1.053.676 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.43% vốn điều lệ.  
Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.053.676 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.43% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu của 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**NGUYỄN THU HƯƠNG**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/05/1980
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011891761 cấp ngày 13/05/2007, nơi cấp : Hà Nội
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 10, Ngõ 58, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0904 316 767
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Chuyên ngành Công nghệ thông tin
- Quá trình công tác:

Từ 2002 đến 2006 : Cán bộ chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Thăng Long

Từ 2007 đến 2012 : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Mặt Trời Vàng

Từ năm 2012 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Mặt Trời Vàng

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-

Phú Thọ.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám Đốc Công ty CP thương mại Mặt Trời Vàng

- Số cổ phần nắm giữ: 655.266 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5.24% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 655.266 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5.24 % vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 234.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.87% vốn điều lệ.

Trong đó :

+ Ông Hoàng Công Thái nắm giữ: 234.300 cổ phần, chiếm 1.87% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### **LÊ HOÀI THANH**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 10/03/1973

- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Số CMND: 011660478 cấp ngày 15.03.2011 nơi cấp : Hà Nội

- Quê quán: Nghệ An

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 01 Ngõ 52 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

- Số điện thoại liên lạc: 0914888073

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Tư vấn viên

- Quá trình công tác:

*Từ 2007 đến nay : Phó giám đốc công ty TNHH Tư vấn Havi Việt Nam*

*Từ tháng 12/2011 đến nay : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Havi 168*

*Từ tháng 5/ 2017 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ*

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc công ty TNHH Tư vấn Havi Việt Nam ; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Havi 168

- Số cổ phần nắm giữ: 254.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.0% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 254.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.0% vốn điều lệ.

- + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**BÙI VĂN THIỀNG**

Đã nêu ở phần lý lịch Ban Điều hành

- b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

**Bảng số 8: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2018**

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ- HĐQT	31/1/2018	- Thông qua tờ trình thường xét âm lịch năm 2018 cho CBCNV ( xin ý kiến bằng văn bản)
2	02/2018/NQ- HĐQT	29/3/2018	- Hợp định kỳ quý I/2018
3	03/2018/NQ- HĐQT	30/5/2018	- Thông qua việc chốt danh sách và thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2017 bằng tiền cho các cổ đông ( Xin ý kiến bằng văn bản)
4	04/2018/NQ- HĐQT	31/05/2018	- Thông qua việc ký hợp đồng với Công ty Cp Hưng Long- Công ty có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Châu- Chủ tịch HĐQT
5	05/2018/NQ- HĐQT	08/06/2018	- Thông qua việc chi thưởng cho Ban lãnh đạo từ nguồn lợi nhuận vượt (20% trên lợi nhuận vượt kế hoạch).
6	06/2018/NQ- HĐQT	25/06/2018	- Hợp định kỳ quý 2/2018
7	07/2018/NQ- HĐQT	06/10/2018	- Hợp định kỳ quý 3/2018
8	08/2018/NQ- HĐQT	23/10/2018	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 ( xin ý kiến bằng văn bản)
9	09/2018/NQ- HĐQT	22/12/2018	- Hợp định kỳ quý 4
<b>Các quyết định</b>			
1	11/2018/QĐ- HĐQT	25/06/2018	- Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
2	12/2018/QĐ- HĐQT	25/06/2018	- Ban hành Điều lệ Công ty
3	32/2018/QĐ- HĐQT	06/10/2018	- Ban hành Quy chế quản lý Tài chính

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
4	37/2018/QĐ- HĐQT	22/12/2018	- Vay vốn ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2019
5	38/2018/QĐ- HĐQT	22/12/2018	- Phê duyệt kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2019
6	39/2018/QĐ- HĐQT	22/12/2018	- Ký hợp đồng với tổ chức có liên quan của người nội bộ và cổ đông lớn

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

### Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Đoàn Thị Xuân Duyên	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Hương Giang	Ủy viên Ban Kiểm soát

### NGUYỄN TIẾN THỌ

- Giới tính: Nam
- Ngày/ tháng/ năm sinh: 15/08/1956
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 130.833.297 cấp ngày 22/12/2004 , nơi cấp : CA Phú Thọ
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: số 45, Tổ 4B, Phường Nông Trang ,TP Việt Trì, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0913 517 431
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 01/2004 - 06/2012 : Trưởng phòng Nghiệp vụ thuế-Cục thuế tỉnh Phú Thọ

*Từ tháng 7/2012 - 7/2014 : Trưởng phòng Thanh tra thuế - Cục thuế tỉnh Phú Thọ.*  
*Từ tháng 8/2014- 8/2016 : Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 1- Cục thuế tỉnh Phú Thọ.*  
*Từ tháng 9/2016 đến nay : Nghỉ hưu theo chế độ*  
*Từ tháng 5/2017 đến nay : Trưởng Ban Kiểm soát công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ.*

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 2.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0184 % vốn điều lệ.  
Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 2.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0184% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**ĐOÀN THỊ XUÂN DUYÊN**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/03/1988
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 024115307 cấp ngày 17/03/2003 , nơi cấp : CA TP. HCM
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: số 14 Nguyễn Tiểu La, Phường 5, Quận 10, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0909 839 031
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính- Ngân Hàng
- Quá trình công tác:

*Từ tháng 08/2010 đến 9/2013 : Nhân viên Giám sát tín dụng Ngân hàng TMCP Á Châu*  
*Từ tháng 9/2013 đến 3/2014 : Nhân viên quan hệ khách hàng Phòng doanh nghiệp lớn Ngân hàng Á Châu.*  
*Từ tháng 4/ 2014 đến 8/2014 : Nhân viên tổng hợp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Sài Gòn*  
*Từ tháng 3/2015 đến tháng 3/2016 : Chuyên viên hoạch định ngân sách Ban tài chính – TCT cổ phần Bia- Rượu- NGK Sài Gòn*  
*Từ tháng 3/2016 đến tháng : Chuyên viên hoạch định ngân sách Ban Kế hoạch-*

10/2016

*Tổng hợp – TCT cổ phần Bia- Rượu- NGK Sài Gòn.*

*Từ tháng 10/2016 đến nay : Chuyên viên hoạch định ngân sách Ban Kế hoạch  
Tổng hợp- TCT cổ phần Bia- Rượu- NGK Sài Gòn.  
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần kinh doanh lương  
thực thực phẩm Trường Sa*

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT công ty cổ phần kinh doanh lương thực thực phẩm Trường Sa.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.  
Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1984
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 131589129 cấp ngày 24/10/2011, nơi cấp: Phú Thọ
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Khu Tầm Vông, TT Phong Châu, Phù Ninh, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0985 560 810
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - Từ 2007-2008 : Nhân viên Kế toán Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành*
  - Từ 2009 – 06/2012 : Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành*
  - Từ 06/2012 đến nay : Ủy viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ, Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên BKS Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành

- Số cổ phần nắm giữ: 185.932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.49% vốn điều lệ.  
Trong đó:
    - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 185.932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.49% vốn điều lệ.
    - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 vốn điều lệ
  - Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- b) Các hoạt động của Ban kiểm soát.

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát các hoạt động, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
  - Thực hiện các đợt làm việc để xem xét kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
  - Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo Công ty về kế hoạch kinh doanh năm 2018 và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.
  - Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
  - Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập (là Công ty Kiểm toán có trong danh sách Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2018 và có kinh nghiệm, uy tín trong công tác kiểm toán cho công ty niêm yết và tổ chức đăng ký giao dịch)
  - Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
  - Kiểm soát việc chấp hành pháp luật và qui chế, qui định của Công ty về việc mua bán hàng hóa, sản phẩm
  - Các công việc khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc



và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

**Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thưởng (VNĐ)	Thù lao, Lương (VNĐ)	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch HĐQT	237.366.000	108.000.000	345.366.000
2	Võ Sỹ Dờng	TV HĐQT	125.883.000	75.600.000	201.483.000
3	Nguyễn Thu Hương	TV HĐQT	125.883.000	75.600.000	201.483.000
4	Bùi Văn Thiềng	TV HĐQT GD công ty	384.685.512	683.830.464	1.068.515.976
5	Lê Hoài Thanh	TV HĐQT	80.118.000	75.600.000	155.718.000
6	Nguyễn Tiến Thọ	TBKS	122.325.000	84.000.000	206.325.000
7	Nguyễn Thanh Thủy	TBKS	38.137.500	0	37.137.500
8	Nguyễn Thị Thùy Linh	TV BKS	11.441.250	0	11.441.250
9	Đoàn Thị Xuân Duyên	TV BKS	32.217.750	48.600.000	80.817.750
10	Nguyễn Thị Hương Giang	TV BKS	43.659.000	48.600.000	92.259.000
11	Vũ Danh Tuyên	P.GD	202.365.938	419.653.567	622.019.505

**Ghi chú:** Bà Nguyễn Thanh Thủy, Bà Nguyễn Thị Thùy Linh hết nhiệm kỳ ngày 27.05.2017.

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có  
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Tên hợp đồng /giao dịch và ký hiệu	Đơn vị thực hiện	Quan hệ với công ty/ người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa Số 01/2018/HĐ/BSG-TM-HTSX Ký ngày 29/12/2017 và phụ lục số 02 ngày 30/03/2018.	Tổng Công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn	Công ty liên kết
2	Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất năm 2018. Số 01-2018/HTSX-MH ký ngày 26/3/2018	Tổng Công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn	Công ty liên kết
3	Hợp đồng tổ chức tour du lịch với Công ty cổ phần Hưng Long, số 18/2018/HDDV ngày 23/05/2018 giữa Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ với công ty cổ phần Hưng Long	Công ty CP Hưng Long	Công ty liên quan với Ông Nguyễn Ngọc Châu- Chủ tịch HĐQT
4	Duy trì Hợp đồng số 2704/SGPT-CX ngày 27/4/2015, phụ lục số hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/01/2016.	Công ty TNHH TM Chiêu Xuân	Vợ của phó giám đốc là thành viên HĐQT.
5	Hợp đồng nguyên tắc mua bán dung dịch NaOH 32% Số: 1212 /THN-SGPT /2017 Ngày ký 12/12/2017	Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	Con trai ông Võ Sỹ Dờng (TVHĐQT) làm Giám đốc

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các báo cáo tài chính bán niên, quý và báo cáo kiểm toán năm 2018, các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật.

Các nội dung được ghi nhận theo Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13, Luật chứng khoán, nghị định số 71/ 2017/ ND- CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng và thông tư 95/2017/TT\_BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/ 2017/ ND- CP được công ty sửa đổi vào điều lệ công ty có hiệu lực ngày 25/06/2018.

Ngày 06/12/2018, Công ty nhận được đơn xin từ nhiệm của bà Đoàn Thị Xuân Duyên về việc xin miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát, Công ty sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Báo cáo tài chính

**1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã đề cập phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.**

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://saigonphutho.com.vn>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – PHÚ THỌ**

**Người đại diện theo pháp luật**



**Bùi Văn Thiêng**





## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
đã được kiểm toán



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 28

0305  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI CHÍNH  
VÀ  
1-1

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600392941 ngày 30 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất, kinh doanh bia;
- Kinh doanh, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Võ Sỹ Dờng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thu Hương	Ủy viên
Ông Bùi Văn Thiêng	Ủy viên
Bà Lê Hoài Thanh	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Bùi Văn Thiêng	Giám đốc
Ông Vũ Danh Tuyên	Phó Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Tiến Thọ	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Bà Đoàn Thị Xuân Duyên	Thành viên

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

21386  
CÔNG T  
NHIỆM  
I VỤ T  
LÍNH K  
KIỂM T  
AM VI  
TP. H



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Giám đốc**



**Bùi Văn Thiêng**  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2019

4-C.T.  
Y  
CỦ BAN  
VĂN  
SỐ TOÁN  
OÁN  
T  
CHÍNH



Số : 12-2/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0167-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2019

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0300-2018-152-1

T.N.H.H  
★  
H.V.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>89.568.476.011</b>	<b>161.601.759.190</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>2.396.341.421</b>	<b>69.829.073.376</b>
1. Tiền	111		2.396.341.421	629.073.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	69.200.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>39.198.883.203</b>	<b>47.825.624.239</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	34.839.407.250	24.961.632.800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.359.475.953	22.795.106.995
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	-	68.884.444
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	140	V.5	<b>47.524.562.355</b>	<b>43.622.600.141</b>
1. Hàng tồn kho	141		47.524.562.355	43.622.600.141
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>448.689.032</b>	<b>324.461.434</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	448.689.032	324.461.434
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>247.327.764.695</b>	<b>253.230.151.760</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	220		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác		V.4b	490.000.000	490.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>236.243.805.531</b>	<b>241.201.355.049</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	236.243.805.531	241.201.355.049
- Nguyên giá	222		486.708.025.314	454.409.767.095
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250.464.219.783)	(213.208.412.046)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		-	<b>1.756.529.175</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	-	1.756.529.175
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>10.593.959.164</b>	<b>9.782.267.536</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	10.518.209.164	9.782.267.536
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.8	75.750.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>336.896.240.706</b>	<b>414.831.910.950</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

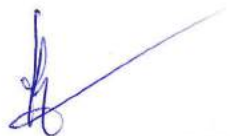
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>106.795.212.092</b>	<b>167.599.699.505</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>94.934.442.250</b>	<b>153.375.762.505</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	13.933.834.519	8.921.690.336
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		197.885.656	1.114.189.742
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	12.176.132.759	73.414.282.759
4. Phải trả người lao động	314		1.831.986.350	1.677.655.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.231.158.546	4.625.837.731
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	9.456.574.000	8.967.352.774
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	53.209.664.948	53.177.774.633
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.897.205.472	1.476.979.230
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>11.860.769.842</b>	<b>14.223.937.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	11.860.769.842	14.223.937.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>230.101.028.614</b>	<b>247.232.211.445</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.15	<b>230.101.028.614</b>	<b>247.232.211.445</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.517.055.477	23.517.055.477
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.583.973.137	98.715.155.968
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		56.983.483.481	45.647.907.256
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		24.600.489.656	53.067.248.712
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>336.896.240.706</b>	<b>414.831.910.950</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Bích Thủy

Ngày 25 tháng 01 năm 2019



Trần Bích Thủy



Bùi Văn Thiêng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	561.428.356.080	564.925.200.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	2.163.490.361
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		561.428.356.080	562.761.710.457
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	496.619.513.780	481.295.330.657
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.808.842.300	81.466.379.800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	228.070.408	606.841.307
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.930.109.490	2.337.849.018
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.930.109.490	2.337.849.018
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	5.823.044.260	5.583.157.848
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	13.487.402.146	13.506.874.524
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.796.356.812	60.645.339.717
11. Thu nhập khác	31	VI.8	133.811.184	41.951.226
12. Chi phí khác	32	VI.9	132.075.523	3.377.409
13. Lợi nhuận khác	40		1.735.661	38.573.817
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.798.092.473	60.683.913.534
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3.273.352.817	4.616.664.822
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(75.750.000)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.600.489.656	56.067.248.712
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.808	3.907
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.808	3.907

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Bích Thuý

Trần Bích Thuý

Bùi Văn Thiêng

Ngày 25 tháng 01 năm 2019

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.798.092.473	60.683.913.534
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	37.255.807.737	35.127.326.502
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(151.402.002)	(606.841.307)
- Chi phí lãi vay	06	2.930.109.490	2.337.849.018
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	82.832.607.698	97.542.247.747
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.015.534.799)	(10.114.762.070)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.901.962.214)	(6.920.000.561)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(58.601.131.259)	(57.228.575.828)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(860.169.226)	1.004.978.866
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.964.950.944)	(2.259.599.018)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.645.390.666)	(4.905.849.104)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.311.446.245)	(6.040.340.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.467.977.655)	11.078.099.663
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(13.843.337.653)	(27.798.615.144)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	220.286.446	474.471.555
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.623.051.207)	(27.324.143.589)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	472.399.671.122	407.064.166.044
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(474.730.947.965)	(354.662.454.411)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.010.426.250)	(31.776.603.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52.341.703.093)	20.625.108.633
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(67.432.731.955)	4.379.064.707
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	69.829.073.376	65.450.008.669
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.396.341.421	69.829.073.376

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Bích Thủy

Trần Bích Thủy

Bùi Văn Thiêng

Ngày 25 tháng 01 năm 2019

4-C.T.T  
Y  
TỪ BAN  
QUẢN  
LÝ TOÁN  
TOÁN  
TỔNG  
KẾ TÍNH  
TỔNG



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600392941 ngày 30 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất, kinh doanh bia;
- Kinh doanh, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	12 - 48 năm
- Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
- Thiết bị quản lý	3 - 10 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1386  
CÔNG T  
NHIỆM  
VỤ T  
LƯNH  
KIỂM T  
AM VI  
TP. H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 18221000027 ngày 25 tháng 10 năm 2007 cấp bởi Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong 12 năm kể từ ngày nhà máy đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (Từ năm 2011 đến năm 2022)
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2013) và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2020).

**18. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	527.853.225	409.923.136
Tiền gửi ngân hàng	1.868.488.196	219.150.240
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	-	69.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.396.341.421</b>	<b>69.829.073.376</b>

## 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước Giải Khát Sài Gòn	34.832.174.850	24.891.438.000
Phải thu khách hàng khác	7.232.400	70.194.800
<b>Cộng</b>	<b>34.839.407.250</b>	<b>24.961.632.800</b>

## Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước Giải Khát Sài Gòn	34.832.174.850	24.891.438.000
<b>Cộng</b>	<b>34.832.174.850</b>	<b>24.891.438.000</b>

## 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP Cơ nhiệt Điện lạnh Thuận Phát	1.882.560.000	-
Công ty CP Công nghệ Xây dựng và Thương mại quốc tế D&T	1.089.154.208	1.854.122.873
Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Đại Nam	871.500.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	516.261.745	20.940.984.122
<b>Cộng</b>	<b>4.359.475.953</b>	<b>22.795.106.995</b>

## 4. Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	-	68.884.444
Phải thu khác	-	68.884.444
- Lãi tiền gửi dự thu	-	68.884.444
b) Phải thu dài hạn khác	490.000.000	490.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	490.000.000	490.000.000
<b>Cộng</b>	<b>490.000.000</b>	<b>558.884.444</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 5. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.860.539.932	-	25.236.979.233	-
Công cụ, dụng cụ	6.925.999.337	-	7.983.332.497	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.174.583.716	-	8.054.310.804	-
Thành phẩm	1.563.439.370	-	2.347.977.607	-
<b>Cộng</b>	<b>47.524.562.355</b>	<b>-</b>	<b>43.622.600.141</b>	<b>-</b>

## 6. Chi phí trả trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>448.689.032</b>	<b>324.461.434</b>
Chi phí sửa chữa tài sản	-	243.767.248
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	358.575.000	-
Chi phí bảo hiểm	90.114.032	80.694.186
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>10.518.209.164</b>	<b>9.782.267.536</b>
Chi phí sửa chữa tài sản	4.849.175.991	1.285.422.389
Chi phí tiền thuê đất	1.291.143.240	1.721.524.320
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.377.889.933	6.775.320.827
<b>Cộng</b>	<b>10.966.898.196</b>	<b>10.106.728.970</b>

## 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Hệ thống xử lý nước thải	-	826.200.000
Xây dựng kho thành phẩm	-	930.329.175
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.756.529.175</b>

## 8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ <sup>(1)</sup>	75.750.000	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>75.750.000</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan tới chênh lệch tạm thời được khấu trừ chi phí sửa chữa nhà xưởng và văn phòng Công ty đã phát sinh và đã ghi nhận vào chi phí trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 số tiền 2.020.000.000 đồng. Tuy nhiên, khoản chi phí này năm 2018 mới đủ điều kiện ghi nhận là chi chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp với thời gian phân bổ 24 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	7.817.994.932	5.552.101.004
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	2.064.480.000	-
Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	4.051.359.587	3.369.589.332
<b>Cộng</b>	<b>13.933.834.519</b>	<b>8.921.690.336</b>

**Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia-Rượu -Nước Giải Khát Sài Gòn	7.817.994.932	5.552.101.004
Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	-	129.697.320
<b>Cộng</b>	<b>7.817.994.932</b>	<b>5.681.798.324</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế phải nộp	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	9.706.996.998	56.461.691.415	62.170.564.266	3.998.124.147
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	119.418.652	119.418.652	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	62.496.183.825	462.064.575.180	517.183.175.516	7.377.583.489
Thuế xuất nhập khẩu	-	75.511.174	75.511.174	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.026.274.299	3.273.352.817	3.645.390.666	654.236.450
Thuế thu nhập cá nhân	184.827.637	2.107.742.462	2.146.381.426	146.188.673
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>73.414.282.759</b>	<b>524.105.291.700</b>	<b>585.343.441.700</b>	<b>12.176.132.759</b>

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	62.158.546	110.837.731
Chi phí sửa chữa	-	2.020.000.000
Các khoản trích trước khác	2.169.000.000	2.495.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.231.158.546</b>	<b>4.625.837.731</b>

4-C.T  
Y  
TƯ BAN  
VĂN  
SỐ TOÁN  
OÁN  
T  
CHÍNH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Các khoản phải trả khác ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	33.251.000	24.103.524
Nhận ký quỹ, ký cược	6.594.200.000	6.103.700.000
Cổ tức phải trả	2.829.123.000	2.839.549.250
<b>Cộng</b>	<b>9.456.574.000</b>	<b>8.967.352.774</b>

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2018	Trong năm		31/12/2018
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>53.177.774.633</b>	<b>474.762.838.280</b>	<b>474.730.947.965</b>	<b>53.209.664.948</b>
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>47.177.774.633</b>	<b>465.153.173.332</b>	<b>466.330.947.965</b>	<b>46.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh <sup>(i)</sup>	47.177.774.633	465.153.173.332	466.330.947.965	46.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>9.609.664.948</b>	<b>8.400.000.000</b>	<b>7.209.664.948</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh <sup>(ii)</sup>	6.000.000.000	9.609.664.948	8.400.000.000	7.209.664.948
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>14.223.937.000</b>	<b>7.246.497.790</b>	<b>9.609.664.948</b>	<b>11.860.769.842</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh <sup>(ii)</sup>	14.223.937.000	7.246.497.790	9.609.664.948	11.860.769.842
<b>Cộng</b>	<b>67.401.711.633</b>	<b>482.009.336.070</b>	<b>484.340.612.913</b>	<b>65.070.434.790</b>

i) Vay ngắn hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh Quang Minh theo hợp đồng vay số 14.46.001/2017-HDTHDM/NHCT264-BIASGPT ngày 20/01/2017. Hạn mức 100.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất vay trong năm là 5%/năm.

ii) Vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh Quang Minh theo các hợp đồng vay:

Hợp đồng vay số 16.70.00005/2016-HDTĐA/NHCT264-BIASGPT ngày 26/02/2016. Hạn mức 15.000.000.000 đồng nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của "Dự án đầu tư cải tạo dây chuyền chiết - Đầu tư thiết bị đóng thùng Wrap - Around và chuyển đổi vỏ lon 206 sang vỏ lon 202". Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất vay trong năm là 7,7%/năm.

Hợp đồng vay số 17.46.0013/2017-HDCVDADT/NTCT264-BIA SGPT. Hạn mức 15.000.000.000 đồng nhằm thanh toán các chi phí dự án đầu tư Nhà máy bia Sài Gòn - Phú Thọ công suất 50 triệu lít/năm. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 7,7%/năm.

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh Quang Minh được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản số 09.19.00050/HDTC ngày 21/5/2009, số 09.19.00051/HDTC ngày 21/5/2009 và số 13.61.0002/HDTC ngày 07/02/2013.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	23.517.055.477	79.184.032.502	227.701.087.979
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	56.067.248.712	56.067.248.712
Phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	(33.536.125.246)	(33.536.125.246)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>23.517.055.477</b>	<b>98.715.155.968</b>	<b>247.232.211.445</b>
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	39.600.489.656	39.600.489.656
Phân phối lợi nhuận còn lại năm 2017 <sup>(i)</sup>	-	-	(41.731.672.487)	(41.731.672.487)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 <sup>(ii)</sup>	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>23.517.055.477</b>	<b>81.583.973.137</b>	<b>230.101.028.614</b>

<sup>(i)</sup> Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2018, Công ty thực hiện phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Số liệu phân phối theo Nghị quyết VND	Số đã tạm phân phối năm 2017 VND	Phân phối lợi nhuận còn lại trong năm 2018 VND
Trích quỹ an sinh xã hội	560.672.487	-	560.672.487
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.671.000.000	3.000.000.000	3.671.000.000
Trích chi trả cổ tức	37.500.000.000	-	37.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>44.731.672.487</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>41.731.672.487</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- (ii) Công ty tạm phân phối theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/5/2018 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/NQ-HDQT ngày 23/10/2018, chi tiết:

	Số liệu kế hoạch phân phối theo Nghị quyết VND	Số tạm phân phối năm 2018 VND
Trích quỹ an sinh xã hội	242.089.346	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.261.000.000	2.500.000.000
Trích chi trả cổ tức	31.250.000.000	12.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.753.089.346</b>	<b>15.000.000.000</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018 VND	%	01/01/2018 VND	%
Tổng công ty Cổ phần Bia rượu NGK Sài Gòn	33.787.500.000	27,03	33.787.500.000	27,03
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	8.530.500.000	6,82	8.530.500.000	6,82
Ông Võ Sỹ Dờng	10.536.760.000	8,43	10.536.760.000	8,43
Bà Nguyễn Thu Hương	6.552.660.000	5,24	6.552.660.000	5,24
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	6.250.000.000	5,00	6.250.000.000	5,00
Vốn góp của các đối tượng khác	59.342.580.000	47,47	59.342.580.000	47,47
<b>Cộng</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	125.000.000.000	125.000.000.000
Vốn góp cuối năm	125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ tức đã chia	50.000.000.000 (*)	31.250.000.000

- (\*) Bao gồm 37.500.000.000 đồng cổ tức của năm 2017 được chia trong năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2018 và 12.500.000.000 đồng tạm ứng cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2018/NQ-HDQT ngày 23 tháng 10 năm 2018.

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

- (\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
<b>1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán bia	556.789.111.080	560.576.774.163
Doanh thu khác	4.639.245.000	4.348.426.655
<b>Cộng</b>	<b>561.428.356.080</b>	<b>564.925.200.818</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	2.163.490.361
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.163.490.361</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Giá vốn của bán bia	496.112.795.276	480.719.452.870
Giá vốn hoạt động khác	506.718.504	575.877.787
<b>Cộng</b>	<b>496.619.513.780</b>	<b>481.295.330.657</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	151.402.002	543.355.999
Lãi chênh lệch tỷ giá	76.668.406	63.485.308
<b>Cộng</b>	<b>228.070.408</b>	<b>606.841.307</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.930.109.490	2.337.849.018
<b>Cộng</b>	<b>2.930.109.490</b>	<b>2.337.849.018</b>

21386  
CÔNG T  
NHIỆM B  
VỤ T  
INH K  
GIẾM T  
AM VI  
TP. HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	4.320.444.121	3.997.036.046
Chi phí vận chuyển	981.766.086	1.006.732.083
Chi phí khác	520.834.053	579.389.719
<b>Cộng</b>	<b>5.823.044.260</b>	<b>5.583.157.848</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	6.791.570.340	5.794.001.057
Chi phí đồ dùng văn phòng	337.999.388	528.107.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ	1.334.559.787	1.282.441.288
Thuế, phí và lệ phí	59.394.158	42.559.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.757.586.169	5.581.506.835
Chi phí bằng tiền khác	206.292.304	278.258.252
<b>Cộng</b>	<b>13.487.402.146</b>	<b>13.506.874.524</b>

**8. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Thu nhập khác	133.811.184	41.951.226
<b>Cộng</b>	<b>133.811.184</b>	<b>41.951.226</b>

**9. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Chi phí khác	132.075.523	3.377.409
<b>Cộng</b>	<b>132.075.523</b>	<b>3.377.409</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 18221000027 ngày 25 tháng 10 năm 2007 cấp bởi Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong 12 năm kể từ ngày nhà máy đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (Từ năm 2011 đến năm 2022)
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2013) và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2020).

4-C.T.  
Y  
CỦ BAN  
VĂN  
TOÁN  
ĐẢN  
T  
CHÍ NH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi tiết mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</b>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.273.352.817	4.616.664.822
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.273.352.817</b>	<b>4.616.664.822</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</b>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.600.489.656	56.067.248.712
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.600.489.656	56.067.248.712
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, công tác xã hội (*)	4.503.089.346	7.231.672.487
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.808	3.907
- Lãi suy giảm	2.808	3.907

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội trích lập từ lợi nhuận năm 2018 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 đã được trình bày lại theo quy định tại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do thay đổi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội năm 2017.

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	426.243.525.763	413.372.178.976
Chi phí nhân công	20.914.403.348	19.525.350.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ	41.901.165.159	39.554.743.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.897.254.377	23.456.817.001
Chi phí khác bằng tiền	1.802.627.710	2.063.185.917
<b>Cộng</b>	<b>515.758.976.357</b>	<b>497.972.276.011</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền chi ứng trước người mua để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	2.710.691.836	19.284.083.227
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ	125.000.000	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

**a) Các nghiệp vụ phát sinh với bên liên quan trong năm**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (Không bao gồm thuế GTGT và thuế tiêu thụ đặc biệt) VND
Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu, hàng hoá Doanh thu bán bia, hàng hoá khác	360.371.075.673 522.414.988.391
Công ty Cổ phần Bia - Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức Chi trả cổ tức	13.515.000.000 3.412.200.000
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu, hàng hoá	188.480.000
Công ty TNHH Thương Mại Chiêu Xuân	Vợ của Phó Giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên	Doanh thu bán bia, hàng hoá khác	13.675.478.691
Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	Chồng của Kế toán trưởng là Chủ hộ kinh doanh	Mua dịch vụ Doanh thu bán bia, hàng hoá khác	47.745.000 331.549.230
Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	Con của thành viên HĐQT là Giám đốc	Mua nguyên vật liệu, hàng hoá	716.870.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</b>
	VND	VND
Ban Giám đốc	1.395.475.481	1.612.776.531
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.504.296.500	1.015.096.756

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Doanh thu, kết quả kinh doanh và tổng tài sản của hoạt động sản xuất bia của Công ty trong năm chiếm trên 90%. Vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ doanh thu của Công ty trong khu vực địa lý Việt Nam.

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	2.396.341.421	69.829.073.376	2.396.341.421	69.829.073.376
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.839.407.250	25.030.517.244	34.839.407.250	25.030.517.244
<b>Cộng</b>	<b>37.235.748.671</b>	<b>94.859.590.620</b>	<b>37.235.748.671</b>	<b>94.859.590.620</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	13.933.834.519	8.921.690.336	13.933.834.519	8.921.690.336
Vay và nợ	65.070.434.790	67.401.711.633	65.070.434.790	67.401.711.633
Chi phí phải trả	2.231.158.546	4.625.837.731	2.231.158.546	4.625.837.731
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>81.235.427.855</b>	<b>80.949.239.700</b>	<b>81.235.427.855</b>	<b>80.949.239.700</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Tài sản đảm bảo**

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2018 và tại ngày 01/01/2018 (xem thuyết minh V.9, V.14). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác tại ngày 31/12/2017 và tại ngày 31/12/2018.

**6. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**7. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không trong xúng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Từ 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm (tại ngày 31/12/2018)</b>	<b>69.374.658.013</b>	<b>11.860.769.842</b>	<b>81.235.427.855</b>
Phải trả cho người bán	13.933.834.519	-	13.933.834.519
Vay và nợ	53.209.664.948	11.860.769.842	65.070.434.790
Chi phí phải trả	2.231.158.546	-	2.231.158.546
Các khoản phải trả khác	-	-	-
<b>Số đầu năm (tại ngày 01/01/2018)</b>	<b>66.725.302.700</b>	<b>14.223.937.000</b>	<b>80.949.239.700</b>
Phải trả cho người bán	8.921.690.336	-	8.921.690.336
Vay và nợ	53.177.774.633	14.223.937.000	67.401.711.633
Chi phí phải trả	4.625.837.731	-	4.625.837.731
Các khoản phải trả khác	-	-	-





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

**9. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do thay đổi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.245	3.907

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Bích Thuý

Trần Bích Thuý

Bùi Văn Thiêng

Ngày 25 tháng 01 năm 2019